

Số: 784/CV-BVKS

Kim Sơn, ngày 26 tháng 07 năm 2023

V/v mời báo giá hàng hóa

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, nhà cung cấp hóa chất sinh phẩm

Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua hóa chất sinh phẩm xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn đến ngày 31/03/2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn
- Địa chỉ : Phố Phú Vinh, thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh

Bình

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Đồng chí : Quách Thị Vân Anh – Nhân viên Phòng KHTH – VTTTBYT
- Số điện thoại : 0966911288
- Email : quachthivananhksnb123@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ:* Bộ phận Văn thư - Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn (Phố Phú Vinh, thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình)

- *Nhận qua email:* quachthivananhksnb123@gmail.com

- *Nhận qua Fax:* Không

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 08h ngày 27 tháng 7 năm 2023 đến trước 17h ngày 07 tháng 08 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 07/08/2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục : Phụ lục chi tiết kèm theo.
2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản thiết bị y tế:
 - Địa điểm cung cấp : Khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn
 - Yêu cầu vận chuyển, cung cấp : Vận chuyển, bốc xếp, giao hàng tại kho của Khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 5 ngày từ ngày có yêu cầu đặt hàng.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Không tạm ứng.
 - Hình thức thanh toán : Chuyển khoản
5. Các thông tin khác:
 - Tình trạng hàng hóa: mới 100%.
 - Mẫu báo giá: Theo thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận :

Như trên;
Ban giám đốc (để b/c);
Phòng Điều dưỡng (để đăng tải);
Lưu VT, Dược.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Minh Tứ

PHỤ LỤC 01 : DANH SÁCH CÁC MẶT HÀNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 184 /CV- BVKS ngày 26 tháng 7 năm 2023
của Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn)

| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|--|---|----------|-------------|
| 1 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol | - Dùng để định lượng Cholesterol trong huyết thanh người và huyết tương người * Khoảng tuyến tính: ≥ 750 mg/dl - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 0.9 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml | 28 | Hộp |
| 2 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine | - Dùng để định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương người và nước tiểu. - Khoảng tuyến tính: Trong huyết thanh: ≥ 13 mg/dl - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 6.5 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 200 ml | 28 | Hộp |
| 3 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose | - Dùng để định lượng Glucose trong máu toàn phần, huyết thanh người, huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: ≥ 400 mg/dl (≥ 22.2 mmol/l) - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 3.9 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml | 30 | Hộp |
| 4 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng GOT (ASAT) | - Dùng để định lượng GOT (aspartate aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: ≥ 600 U/l - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 3.9 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml | 30 | Hộp |
| 5 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng GPT (ALAT) | - Dùng để định lượng GPT (alanine aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: ≥ 500 U/l - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 4.5 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml | 32 | Hộp |
| 6 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride | - Dùng để định lượng triglyceride trên huyết thanh người và huyết tương chống đông bằng EDTA, Heparin. - Khoảng tuyến tính: ≥ 1000 mg/dl - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 2.7 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml | 28 | Hộp |
| 7 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea | - Dùng để định lượng Urea trong huyết thanh, nước tiểu và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: ≥ 300 mg/dl - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 4.1 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml | 27 | Hộp |



| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|--|---|----------|-------------|
| 8 | Hóa chất pha loãng máu toàn phần | Dung dịch dùng để pha loãng máu toàn phần dùng cho máy phân tích huyết học. - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Thùng ≥ 20L | 50 | Thùng |
| 9 | Hóa chất ly giải để phá vỡ hồng cầu | Dung dịch ly giải để phá vỡ hồng cầu. Hóa chất được sử dụng với các thiết bị phân tích huyết học - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Lọ ≥ 500mL | 50 | Lọ |
| 10 | Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học | - Hóa chất tẩy kiềm mạnh dùng để loại bỏ các chất phản ứng, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy huyết học - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Lọ ≥ 50ml | 8 | Lọ |
| 11 | Định nhóm máu RH | - Sử dụng nuôi cấy tế bào từ các dòng tế bào lai BS225, - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Lọ ≥ 10ml | 12 | Lọ |
| 12 | Huyết thanh mẫu Anti A; Anti B, Anti AB | - Được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy tế bào từ các dòng tế bào lai. Anti A, Anti B, Anti AB chứa ít nhất các kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào lai dưới đây: + Anti A: dòng vô tính A-11H5 + Anti B: Dòng vô tính B-6F9 + Anti AB: Dòng vô tính A-5E10 và dòng vô tính B-2D7 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Bộ ≥ 3 x 10ml | 15 | Bộ |
| 13 | Test nhanh phát hiện kháng nguyên virut viêm gan B | Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Độ nhạy ≥ 99,8%; Độ đặc hiệu ≥ 99,85%. - Đạt TCCL : ISO 13485 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói : ≥ 100 test/hộp | 1800 | Test |
| 14 | Chất tẩy rửa dùng cho máy phân tích đông máu hoàn toàn tự động, có tính kiềm | Chất tẩy rửa dùng cho máy phân tích đông máu hoàn toàn tự động - Thành phần: Sodium hypochlorite 1.0% (có sẵn clo) - Độ ổn định sau mở nắp: 1 tháng khi bảo quản ở 2 tới 8°C - Đạt TCCL : ISO 13485 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói : Lọ ≥ 50ml | 12 | Lọ |
| 15 | Chất tẩy rửa dùng cho máy phân tích đông máu hoàn toàn tự động, có tính acid | Chất tẩy rửa dùng cho máy phân tích đông máu hoàn toàn tự động - Thành phần: Axit HCl 0.16%, Chất bề mặt không ion 0.50% - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói : Lọ ≥ 500ml | 1 | Lọ |

| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|--|---|----------|-------------|
| 16 | Dung môi pha loãng cho các xét nghiệm đông máu | Dung môi pha loãng cho các xét nghiệm đông máu - Thành phần: 2.84×10^{-2} M sodium barbital in 1.25×10^{-1} M sodium chloride; pH 7.35 ± 0.1 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 150 ml | 1 | Hộp |
| 17 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng ACID URIC | - Được dùng để định lượng Uric Acid trong huyết thanh người, huyết tương được chống đông bằng Heparin hoặc EDTA và nước tiểu. - Khoảng tuyến tính: ≥ 20 mg/dl ($1190 \mu\text{mol/l}$) - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 4.7 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml | 1 | Hộp |
| 18 | Hóa chất để xác định thời gian thromboplastin một phần được kích hoạt (APTT) | - Hóa chất sử dụng để xác định thời gian thromboplastin một phần được kích hoạt (APTT) - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 20 ml | 1 | Hộp |
| 19 | Hóa chất Định lượng Bilirubin toàn phần | - Dùng để định lượng BILIRUBIN toàn phần trong huyết thanh người và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: ≥ 30 mg/dl - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 2.62 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 375 ml | 1 | Hộp |
| 20 | Hóa chất Định lượng Bilirubin trực tiếp | Dùng để định lượng BILIRUBIN trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: ≥ 9 mg/dl - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 6.15 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 375 ml | 1 | Hộp |
| 21 | Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức 1 | - Được sử dụng để kiểm soát độ chính xác và độ lặp lại cho các xét nghiệm sinh hóa. - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Lọ ≥ 5 ml | 5 | Lọ |
| 22 | Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức 2 | - Được sử dụng để kiểm soát độ chính xác và độ lặp lại cho các xét nghiệm sinh hóa. - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Lọ ≥ 5 ml | 5 | Lọ |
| 23 | Hóa chất hiệu chuẩn sinh hóa | - Dùng để hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa dùng trên máy phân tích sinh hóa. - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Lọ ≥ 5 ml | 4 | Lọ |
| 24 | Dung dịch rửa máy sinh hóa | Hóa chất rửa cho máy phân tích sinh hóa. - Thành phần: Natri hydroxit (NaOH) - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 360 ml | 12 | Hộp |
| 25 | Test nhanh phát hiện định tính kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 | - Phát hiện định tính kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh/huyết tương người. - Độ nhạy: $\geq 99,6\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99,8\%$. - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: ≥ 50 test/ hộp | 1800 | Test |

